



KHẢO SÁT LỖI SAI KHI DÙNG BỔ NGỮ ĐỘNG LƯỢNG TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TIẾNG HÁN CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN

Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 25/04/2018

Ngày phân biên đánh giá và sửa chữa: 15/05/2018

Ngày bài báo được duyệt đăng: 18/05/2018

Tóm tắt:

Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi tập trung bàn về những lỗi sai khi dùng bổ ngữ động lượng trong quá trình học tiếng Hán của sinh viên ngành ngôn ngữ Anh khoa Ngoại ngữ trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, đồng thời phân tích các nguyên nhân gây ra lỗi cũng như đưa ra một số đề xuất nhằm khắc phục lỗi.

Từ khóa: lỗi sai; tiếng Hán; bổ ngữ động lượng; nguyên nhân; kiến nghị.

1. Lời mở đầu

Trong quá trình học tiếng Hán, sinh viên Việt Nam có thể mắc những lỗi sai khác nhau, trong đó có các lỗi về ngữ pháp. Bổ ngữ là một trong những thành phần cấu tạo nên câu tiếng Hán, tần suất sử dụng của bổ ngữ nói chung và bổ ngữ động lượng tiếng Hán nói riêng là tương đối cao. Tuy nhiên, ở trong nước hiện chưa có nhiều nghiên cứu bàn về lỗi sai bổ ngữ động lượng (dưới đây có chỗ viết tắt là BNĐL) trong quá trình học tiếng Hán của sinh viên Việt Nam. Liên quan trực tiếp đến lĩnh vực nghiên cứu về lỗi sai bổ ngữ động lượng của người học, hiện nay ở nước ngoài có một số ít tác giả đã bàn về lỗi sai bổ ngữ động lượng tiếng Hán của lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại Trung Quốc như: 《外国学生数量补语句的偏误分析与习得研究》 của tác giả 芮晓伟, 《越南学生汉语数量补语习得与教学对策研究》 của tác giả 阮氏清河, 《留学生汉语动量补语教学研究》 của tác giả 王江梅 và 《马达加斯加学生汉语动量补语习得研究》 của tác giả 黄小芳. Từ thực tiễn của quá trình giảng dạy, chúng tôi thấy rằng hiện tượng sinh viên mắc các lỗi sai có liên quan đến bổ ngữ động lượng là tương đối phổ biến và đa dạng. Chính vì vậy, thông qua việc tiến hành khảo sát, thu thập, phân tích dữ liệu tình hình sử dụng bổ ngữ động lượng tiếng Hán của 45 sinh viên ngành ngôn ngữ Anh trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên (đối với những sinh viên này tiếng Hán là môn ngoại ngữ 2, chúng tôi mong muốn chỉ ra các biểu hiện về lỗi sai khi dùng bổ ngữ động lượng của sinh viên, phân tích được các nguyên nhân và đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục lỗi, qua đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc dạy và học tiếng Hán nói chung.

2. Kết quả số liệu khảo sát và phân tích những biểu hiện lỗi dùng bổ ngữ động lượng tiếng Hán của sinh viên

Theo chương trình đào tạo của sinh viên ngành ngôn ngữ Anh, môn ngoại ngữ 2- tiếng Trung được giảng dạy trong 4 kỳ. Sinh viên bắt đầu học từ kỳ 2 của năm thứ hai và phạm trù ngữ pháp về bổ ngữ động lượng được giảng dạy vào kỳ 2 của năm thứ 3. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 45 sinh viên TAK13 năm thứ 3 của khoa Ngoại ngữ vừa hoàn thành xong việc học các kiến thức về bổ ngữ động lượng tiếng Hán. Để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy cho kết quả khảo sát mà chúng tôi thu được thì hầu hết các ngữ liệu về mẫu câu trong phiếu khảo sát đều được trích dẫn từ “《汉语教程》第二册 - 上, 《实用现代汉语语法》 và 《汉语语法教程》”. Sau khi tiến hành khảo sát tình hình sử dụng bổ ngữ động lượng tiếng Hán của 45 sinh viên, kết quả cho thấy các biểu hiện lỗi sai về bổ ngữ động lượng tiếng Hán của sinh viên là tương đối đa dạng, cụ thể như sau:

2.1. Lỗi trật tự kết cấu câu mang bổ ngữ động lượng khi động từ không có tân ngữ

Mô hình kết cấu câu mang BNĐL khi động từ không mang tân ngữ là đặt bổ ngữ động lượng đứng sau động từ còn trợ từ động thái đặt sau động từ, trước BNĐL. Ví dụ:

Tiếng Trung: (1) 我吃过几次。

Tiếng Việt: Tôi đã từng ăn mấy lần.

Kết quả khảo sát cho thấy khi động từ không mang tân ngữ thì tổng số sinh viên mắc lỗi sai chiếm tỷ lệ thấp nhất so với các loại hình lỗi còn lại, số lượng sinh viên chọn đáp án sai là 18/45 sinh viên chiếm tỷ lệ 40%, còn lại 27 sinh viên lựa chọn phương án đúng chiếm tỷ lệ 60%. Trong số 18 sinh

viên mắc lỗi sai thì có 10 sinh viên lựa chọn phương án là: “我吃几次过”, 8 sinh viên lựa chọn cách: “几次我吃过”.

2.2. Lỗi trật tự kết cấu câu khi động từ mang BNĐL và có tân ngữ

2.2.1. Lỗi trật tự kết cấu câu khi tân ngữ là danh từ chỉ sự vật

Một trong những yếu tố tạo nên tính phức tạp của BNĐL là mô hình cấu trúc câu chịu sự chi phối của loại hình tân ngữ được sử dụng trong câu, khi loại hình tân ngữ khác nhau thì trật tự mô hình kết cấu câu mang BNĐL là khác nhau. Khi tân ngữ của câu là danh từ chỉ sự vật nói chung thì mô hình cấu trúc câu theo đúng ngữ pháp là: S + V +了/过 + BNĐL + O (N chỉ sự vật)(了). Ví dụ:

Tiếng Trung: (2)我听过一遍课文录音。(《汉语教程(第二册-上)》)

Tiếng Việt: Tôi đã nghe băng ghi âm bài khóa một lần.

Kết quả khảo sát cho thấy có 20 sinh viên lựa chọn phương án đúng, còn lại 25 sinh viên chọn cách biểu đạt sai, trong đó có 14 sinh viên cho rằng câu đúng là: “我听过课文录音一遍”, 7 sinh viên có sự lựa chọn là: “我听一遍过课文录音” và 4 sinh viên có sự lựa chọn phương án đặt bổ ngữ động lượng lên trước động từ là: “我一遍听过课文录音”.

2.2.2. Lỗi trật tự kết cấu câu mang BNĐL khi tân ngữ là danh từ chỉ người

Trong tiếng Hán khi tân ngữ là danh từ chỉ người thì tân ngữ có thể đứng trước hoặc sau BNĐL.

Ví dụ:

Tiếng Trung: (3)他找过老师一次。/他找过一次老师。(《汉语语法教程》)

Tiếng Việt: Tôi từng tìm thầy giáo một lần.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy có 20/45 sinh viên bị mắc lỗi sai trong trường hợp này và 2 sinh viên không đưa ra được sự lựa chọn nào. Cụ thể có 10 sinh viên lựa chọn cách đảo BNĐL lên trước động từ và tân ngữ: “他一次找过老师”, 10 sinh viên cho rằng phương án đúng là: “他找一次过老师”.

2.2.3. Lỗi trật tự kết cấu câu mang BNĐL khi tân ngữ là danh từ chỉ tên người

Khi câu mang bổ ngữ động lượng và có tân ngữ là từ chỉ tên người thì tân ngữ có thể đứng trước hoặc đứng sau bổ ngữ động lượng. Ví dụ:

Tiếng Trung: (4)刚才我喊了小李两回。/刚才我喊了两回小李。(《实用现代汉语语法》)

Tiếng Việt: Vừa nãy, tôi đã gọi Tiểu Lý hai lần.

Kết quả khảo sát tình hình sử dụng BNĐL khi tân ngữ là từ chỉ tên người cho thấy có 20/45 sinh viên chiếm tỷ lệ 44.5% mắc lỗi sai trong trường hợp này. Trong đó có 14 sinh viên chọn cách biểu đạt: “刚才我两回喊了小李”, 6 sinh viên chọn cách đảo BNĐL lên đầu câu: “两回刚才我喊了小李”.

2.2.4. Lỗi trật tự kết cấu câu mang BNĐL khi tân ngữ là từ chỉ địa điểm

Trong trường hợp câu mang BNĐL và tân ngữ là từ chỉ địa điểm thì tiếng Hán có 2 cách biểu đạt: có thể đặt tân ngữ đứng trước hoặc đứng sau BNĐL đều được. Ví dụ:

Tiếng Trung: (5)他去过长城两次。/他去过两次长城。(《汉语教程(第二册-上)》)

Tiếng Việt: Anh ấy đã từng đi Vạn Lý Trường Thành hai lần rồi.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số sinh viên được khảo sát thì có 21 sinh viên mắc lỗi sai trong trường hợp này chiếm tỷ lệ là 46.7%. Trong đó có 14 sinh viên chọn cách: “他去两次过长城”, 5 sinh viên nghĩ rằng phương án đúng là: “两次他去过长城” và 2 sinh viên cho rằng nên sắp xếp câu theo trật tự là: “他两次去过长城”.

2.2.5. Lỗi trật tự kết cấu câu khi động từ mang tân ngữ là đại từ nhân xưng

Khi câu mang bổ ngữ động lượng và có tân ngữ là đại từ nhân xưng thì tân ngữ đứng trước và bổ ngữ động lượng đứng sau. Ví dụ:

Tiếng Trung: (6)他找过你一次。(《汉语教程(第二册-上)》)

Tiếng Việt: Anh ấy từng tìm bạn một lần.

Kết quả khảo sát tình hình sử dụng BNĐL khi tân ngữ là đại từ nhân xưng cho thấy có 20/45 sinh viên chiếm tỷ lệ 44.5% mắc lỗi sai trong trường hợp này. Trong đó có 14 sinh viên chọn cách biểu đạt: “他找过一次你”, 4 sinh viên chọn cách đảo BNĐL lên trước động từ: “他一次找过你” và 2 sinh viên lựa chọn phương án đặt BNĐL và trợ từ động thái vào giữa cụm động tân: “他找一次过你”.

2.3. Lỗi sai vị trí của trợ từ động thái trong câu mang bổ ngữ động lượng

Trong tiếng Hán khi câu mang BNĐL và có trợ từ động thái thì trật tự cú pháp của câu là: S + V +了/过 + BNĐL + (O) + (了). Ví dụ:

Tiếng Trung: (7)这本书很好,我已经看过两遍了。(《汉语教程(第二册-上)》)

Tiếng Việt: Quyển sách này rất hay, tôi đã từng đọc qua hai lần rồi.

Tuy nhiên, thực tế kết quả khảo sát thu được có 23/45 sinh viên chọn cách biểu đạt đúng, còn lại 22/45 sinh viên mắc lỗi sai chiếm tỷ lệ 48.9%, trong

đó có 13 sinh viên lựa chọn phương án đặt trợ từ động thái sau BNĐL là: “这本书很好, 我已经看两遍过了”, 9 sinh viên chọn cách đặt trợ từ động thái vào giữa cụm số từ và động lượng từ là: “这本书很好, 我已经看两过遍了”.

2.4. Lỗi trật tự kết cấu câu mang bổ ngữ động lượng khi động từ là động từ ly hợp

Động từ ly hợp là loại động từ song âm tiết có kết cấu động tâm, nó vừa mang đặc điểm của từ vừa có hình thức phân ly tách ra như một cụm từ. Đối với câu mang BNĐL mà động từ là động từ ly hợp thì tiếng Hán sẽ đặt bổ ngữ động lượng vào giữa cụm động từ ly hợp. Ví dụ:

Tiếng Hán: (8) 她住过一次院。

Tiếng Việt: Cô ấy đã từng nằm viện một lần.

Thực tế kết quả khảo sát thu được vẫn có 26/45 sinh viên lựa chọn phương thức biểu đạt sai. Trong đó có 19 sinh viên cho rằng nên đặt BNĐL sau cụm động từ ly hợp là: “她住过院一次”, 6 sinh viên chọn phương án là: “她住院过一次” và 1 sinh viên lựa chọn cách “她住一次过院”.

2.5. Lỗi trật tự kết cấu mang bổ ngữ động lượng khi trong câu có bổ ngữ kết quả

Theo trật tự cấu trúc câu mang BNĐL khi câu có bổ ngữ kết quả thì bổ ngữ kết quả được đặt ngay sau động từ và trước bổ ngữ động lượng cũng như tân ngữ theo trật tự cú pháp câu là: S + V + C (kết quả) + BNĐL + (O) + (了). Ví dụ:

Tiếng Trung: (9) 我听完两遍磁带还没听懂。

Tiếng Việt: Tôi nghe hết băng ghi âm hai lần mà vẫn chưa hiểu.

Tuy nhiên, thực tế kết quả khảo sát thu được có 22/45 sinh viên chọn cách biểu đạt đúng, còn lại 23/45 sinh viên mắc lỗi sai chiếm tỷ lệ 51.1%, trong đó có 13 sinh viên lựa chọn phương án đặt bổ ngữ kết quả sau BNĐL và trước tân ngữ là: “我听完两遍完磁带还没听懂”, 10 sinh viên chọn cách đặt bổ ngữ kết quả sau BNĐL và tân ngữ là: “我听完两遍磁带完还没听懂”.

2.6. Lỗi dùng sai động lượng từ

2.6.1. Lỗi dùng nhầm động lượng từ “次” và “遍”

Động lượng từ “次” và “遍” là hai động lượng từ có tần suất sử dụng rất cao so với các động lượng từ khác. Tuy nhiên, do ý nghĩa từ vựng của hai động lượng từ này giống nhau đều có nghĩa là “lần”, vì vậy sinh viên vì không nắm chắc được sự khác biệt giữa chúng đó là động lượng từ “遍” mang ý nghĩa nhấn mạnh cả quá trình thực hiện của hành động từ đầu đến cuối nên đã bị nhầm lẫn trong khi sử dụng hai động lượng từ này. Ví dụ:

Tiếng Trung: (10) 这本小说我看过一遍。

(《汉语教程 (第二册 - 上)》)

Tiếng Việt: Cuốn tiểu thuyết này tôi đã từng đọc 1 lần.

Tiếng Trung: (11) 那个展览我看过一次。

(《汉语教程 (第二册 - 上)》)

Tiếng Việt: Triển lãm đó tôi đã từng xem 1 lần.

Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng sinh viên sử dụng nhầm giữa hai động lượng từ “次” và “遍” là 23/45 chiếm tỷ lệ 51.1% và có 1 sinh viên không đưa ra sự lựa chọn đáp án nào chiếm tỷ lệ 2.2%.

2.6.2. Lỗi dùng sai động lượng từ “趟”

Trong tiếng Hán mỗi động từ sẽ kết hợp với động lượng từ nhất định của nó. Trong số các lỗi sai có liên quan đến phạm trù của bổ ngữ động lượng, chúng tôi đã lựa chọn ra một số động lượng từ thông dụng để tiến hành khảo sát. Trong các động lượng từ thông dụng đó có động lượng từ “趟” là động lượng từ đi với động từ thường gặp là “去” hoặc “跑”. Ví dụ:

Tiếng Trung: (12) 麻烦你跑一趟。(《汉语教程 (第二册 - 上)》)

Tiếng Việt: Làm phiền bạn chạy một cuộc.

Kết quả khảo sát cho thấy, có 21/45 sinh viên mắc lỗi sai chiếm tỷ lệ 46.7%, trong đó 10 sinh viên chọn cách: “麻烦你跑一遍”, 9 sinh viên cho rằng phương án đúng là: “麻烦你跑一次” và 2 sinh viên chọn cách: “麻烦你跑一个”.

2.6.3. Lỗi dùng sai động lượng từ “声”

Theo kết quả khảo sát mà chúng tôi thu được về động lượng từ “声” thì trong tổng số 45 sinh viên có 23 sinh viên đã đúng khi đưa ra sự lựa chọn đáp án là: “不回来的同学跟我说一声”, còn lại 22/45 sinh viên mắc lỗi sai trong trường hợp này. Trong đó có 13/45 sinh viên chọn phương án: “不回来的同学跟我说一口”, 8 sinh viên chọn cách: “不回来的同学跟我说一次” và còn lại 1 SV cho rằng đáp án đúng là: “不回来的同学跟我说一个”.

2.7. Lỗi câu mang bổ ngữ động lượng ở dạng phủ định

2.7.1. Lỗi câu mang bổ ngữ động lượng ở dạng phủ định biểu thị sự bác bỏ hoặc không đồng ý

Việc sử dụng phó từ phủ định “不” hay “没” trong câu mang bổ ngữ động lượng trong tiếng Hán là căn cứ vào ngữ cảnh cụ thể, ý nghĩa biểu đạt cụ thể của chủ thể phát ngôn. Khi muốn biểu thị sự không đồng ý hay bác bỏ ý của người khác thì dùng phó từ “没”. Ví dụ:

Tiếng Trung: (13) A. 这个电影你已经看了两遍了吧? (《实用现代汉语语法》)

B. 这个电影我只看过一遍, 没看过两遍。(《实用现代汉语语法》)

Tiếng Việt: A. Bộ phim này bạn đã xem hai lần rồi phải không?

B. Bộ phim này tôi chỉ đã từng xem một lần, không phải đã từng xem hai lần.

Tuy nhiên, thực tế kết quả khảo sát thu được cho thấy vẫn có 20 trên tổng số 45 sinh viên mắc lỗi sai khi không chọn phó từ phủ định “没” mà dùng phó từ phủ định “不”, còn lại có 2 sinh viên không chọn phương án nào.

2.7.2. Lỗi câu mang bổ ngữ động lượng ở dạng phủ định trong câu điều kiện

Dạng phủ định của câu mang bổ ngữ động lượng nằm trong mệnh đề điều kiện thì dùng phó từ phủ định “不” không dùng “没”. Ví dụ:

Tiếng Trung: (14) 你不尝一口, 怎么知道汤的味道呢? (《实用现代汉语语法》)

Tiếng Việt: Nếu bạn không nếm thử một miếng thì làm sao biết được mùi vị của canh?

Tuy nhiên, thực tế kết quả khảo sát thu được cho thấy vẫn có 22 trên tổng số 45 sinh viên mắc lỗi trong trường hợp này khi không chọn phó từ phủ định “不” mà dùng phó từ phủ định “没”, còn lại có 2 sinh viên không lựa chọn phương án nào.

3. Nguyên nhân và đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục lỗi

3.1. Nguyên nhân

- Do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ: Lỗi sai do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ có thể thấy rõ ở trường hợp khi câu mang tân ngữ là danh từ chỉ sự vật. Khi câu mang tân ngữ là danh từ chỉ sự vật thì tiếng Hán chỉ có thể đặt BNĐL trước tân ngữ, còn tiếng Việt lại phổ biến với cách đặt BNĐL sau tân ngữ. Theo đó, sinh viên do chịu ảnh hưởng của trật tự sắp xếp câu tiếng Việt mà loại hình lỗi sai này của sinh viên chiếm tỷ lệ cao thứ hai trong các biểu hiện về lỗi sai. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra số lượng sinh viên mắc lỗi sai với tỷ lệ thấp hơn ở các trường hợp mà mô hình cấu trúc câu mang BNĐL cơ bản tương đồng với tiếng Việt như các trường hợp: khi tân ngữ là đại từ nhân xưng, khi tân ngữ là từ chỉ nơi chốn hay trường hợp khi động từ không mang tân ngữ.

- Do những yếu tố đến từ tiếng Hán: Động từ ly hợp là loại động từ đặc biệt trong tiếng Hán. Cách dùng của động từ ly hợp là một phạm trù ngữ pháp vừa khó vừa lạ đối với sinh viên và là đặc trưng chỉ trong tiếng Hán mới có. Trong tiếng Việt tuy cũng có nhóm động từ song âm tiết như tiếng Hán nhưng nhóm động từ này trong tiếng Việt không có cách dùng phân ly tách ra như một cụm từ của tiếng Hán. Có thể thấy đây là nguyên nhân khiến cho nhiều sinh viên mắc lỗi sai trong trường hợp này. Kết quả khảo sát đã chỉ ra số lượng sinh viên mắc lỗi sai khi

động từ là động từ ly hợp chiếm tỷ lệ cao nhất trong các biểu hiện về lỗi sai câu mang BNĐL tiếng Hán của sinh viên. Trong 45 sinh viên tham gia khảo sát chỉ có 19 sinh viên chọn phương án đúng và 26 sinh viên bị nhầm lẫn do không nắm chắc cách sử dụng của loại động từ đặc biệt này trong tiếng Hán. Cũng theo kết quả khảo sát thu được, khi sinh viên được hỏi về mức độ khó của bổ ngữ động lượng tiếng Hán thì có tới 12 sinh viên cho rằng BNĐL tiếng Hán rất khó, 23 sinh viên cảm thấy BNĐL tiếng Hán khó và chỉ có 10 sinh viên có ý kiến là bình thường.

- Do các yếu tố khác:
 - + Do các yếu tố đến từ người dạy và người học
 - + Do tính chất môn học:
 - + Do hạn chế về giáo trình.

3.2. Đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục lỗi

- Về phía giáo viên: Giáo viên ngoài việc tự trang bị cho mình kiến thức chuyên môn một cách đầy đủ và chính xác thì cách truyền thụ hay phương pháp giảng dạy cũng là yếu tố rất quan trọng, ví dụ: quá trình giảng dạy cần được tiến hành từng bước từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, trong quá trình giảng dạy cần có sự so sánh đối chiếu giữa tiếng Hán và tiếng Việt, giáo viên nên có thái độ tích cực đối với việc phạm lỗi của người học và sửa lỗi cho người học. Tùy thuộc vào từng phạm trù ngữ pháp mà giáo viên có thể có các cách đặt vấn đề một cách khác nhau góp phần làm cho bài giảng trở nên sinh động hơn. Thay vì đi vào trực tiếp đưa ra chủ đề bài học rồi nêu ra định nghĩa, công thức và lấy ví dụ minh họa như thông thường với cách vào đề của BNĐL thì trước tiên giáo viên có thể giao lưu với sinh viên qua một số câu hỏi có nội dung đơn giản không cần dài hay quá phức tạp, nên vận dụng những từ quen thuộc, thông dụng, dễ hiểu và có thể dẫn dắt sinh viên trực tiếp hoặc gián tiếp dùng BNĐL để trả lời câu hỏi của giáo viên một cách tự nhiên. Ví dụ:

- 你喜欢去旅行吗?
- 越南有很多有名的地方, 比如下龙湾。你去过吗?
- 你去了几次?
- Về phía sinh viên:

Người học cần ý thức được tầm quan trọng của việc chuẩn bị bài, đọc và xem bài trước khi lên lớp. Cần mạnh dạn, tích cực trong việc đặt câu hỏi cho giáo viên và sinh viên trong lớp để những thắc mắc băn khoăn của mình được giải đáp. Sinh viên cần tích cực trong việc phát hiện và tự sửa sai cho mình và bạn cùng học. Ngoài ra, SV cần phát huy tốt hiệu quả của việc học nhóm, thực hành luyện tập theo nhóm, chủ động tìm bạn, nhóm bạn để cùng

học tập ở nhà cũng như trên lớp. Kết hợp hài hòa giữa học lý thuyết và làm bài tập thực hành. Sinh viên cần có các hình thức tự luyện tập khác nhau như: học qua các bài hát, học qua phim, tranh ảnh v.v...

4. Kết luận

Trong quá trình học tiếng Hán đặc biệt ở giai đoạn cơ sở do nhiều nguyên nhân nên sinh viên mắc

khá nhiều loại hình lỗi khác nhau. Chúng tôi đã đưa ra các kết quả khảo sát một cách tương đối đầy đủ tình hình sử dụng bổ ngữ động lượng tiếng Hán của sinh viên, chỉ ra một cách đa dạng và hoàn chỉnh các biểu hiện về lỗi sai, phân tích các nguyên nhân và đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế lỗi. Chúng tôi hy vọng bài viết sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy, học tập tiếng Hán nói chung và bổ ngữ động lượng tiếng Hán nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Diệp Quang Ban. *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, NXB Giáo dục Hà Nội, 2008, 3 tr. 94-96.
- [2]. Nguyễn Văn Hiệp. *Cú pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Hà Nội, 2009, 15 tr. 14-28.
- [3]. Trần Thị Thanh Liêm. *Giáo trình Hán ngữ Tập 2*, Quyển thượng, NXB Thế giới, 9 tr. 137-145.
- [4]. 车慧, 《韩国留学生习得汉语补语的偏误分析》, 硕士学位论文, 辽宁师范大学, 2006年, 3页. 23-25.
- [5]. 陈小红, 《数量补语的用法和位置》, 暨南大学华文学院学报, 2002年, 第三期, 5页. 50-54.
- [6]. 范德忠, 《越南学生句法成分的偏误分析》, 云南师范大学学报, 2009年, 第三期, 2页. 4-5.
- [7]. 黄小芳, 《马达加斯加学生汉语动量补语习得研究》, 硕士学位论文, 江西师范大学, 2014年, 28页. 13-40.
- [8]. 刘月华等著, 《实用现代汉语语法》- 增订本, 商务印书馆, 2001年, 5页. 614-618.
- [9]. 芮晓伟, 《外国学生数量补语句的偏误分析与习得研究》, 硕士学位论文, 南京师范大学, 2008年, 21页. 23-43.
- [10]. 阮氏清河, 《越南学生汉语数量补语习得与教学对策研究》, 硕士学位论文, 辽宁大学, 2016年, 36页. 54-89.
- [11]. 孙德金, 《汉语语法教程》, 北京语言大学出版社, 2002年, 2页. 161-162.
- [12]. 王江梅, 《留学生汉语动量补语教学研究》, 硕士学位论文, 沈阳师范大学, 2016年, 17页. 14-30.

A STUDY ON MISTAKES IN VERBAL CLASSIFIER COMPLEMENT OF CHINESE LANGUAGE FOR THE ENGLISH – MAJORED – STUDENTS IN HUNG YEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY AND EDUCATION

Abstract:

In this study, we focus on the mistakes in verbal classifier complement of chinese language for the english – majored – students in Hung Yen university of technology and education. Besides, we analyze the reasons for the problem and give some recommendations of those.

Keywords: *mistakes, verbal classifier complement of chinese, reasons, recommendations.*